

7. Wang YY, Fan S, Zhang DM, Lin ZY, Chen WL, Li JS. Novel Local Full-Thickness Skin Grafts for Closure of Free Fibular Osteocutaneous Flap Donor Sites. *J Oral Maxillofac Surg Off J Am Assoc Oral Maxillofac Surg.* 2016;74(1):200-203.
8. Wolff KD, Hölzle F, Kolk A, Hohlweg-Majert B, Steiner T, Kesting MR. Raising the osteocutaneous fibular flap for oral reconstruction with reduced tissue alteration. *J Oral Maxillofac Surg Off J Am Assoc Oral Maxillofac Surg.* 2011;69(6):e260-267.

MẠNG LƯỚI CHĂM SÓC RĂNG MIỆNG TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRƯỚC ĐẠI DỊCH COVID-19

Trần Thị Xuân Phượng*, Hoàng Trọng Hùng*

TÓM TẮT

Mục tiêu: Khảo sát mạng lưới chăm sóc sức khỏe răng miệng tại Thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM) trước đại dịch COVID-19. **Phương pháp:** Nghiên cứu cắt ngang mô tả tại TP.HCM năm 2016-2017. Các đơn vị Răng Hàm Mặt (RHM) được thu thập thông tin: 13 Bệnh viện bộ ngành, 15 Bệnh viện trực thuộc Thành phố, 24 Bệnh viện quận/huyện, 83 Trạm y tế phường/xã, 20 Bệnh viện tư nhân, 93 Phòng khám đa khoa có chuyên khoa RHM, 1.242 Phòng khám chuyên khoa RHM và 147 Cơ sở Nha học đường. Sử dụng địa chỉ cụ thể của cơ sở cần thu thập, định vị chính xác vị trí tọa độ (kinh tuyến và vĩ tuyến) trên Google Maps, sao chép tọa độ và vẽ bản đồ mạng lưới chăm sóc sức khỏe răng miệng của thành phố bằng phần mềm QGIS. Tỷ lệ Bác sĩ RHM/10.000 dân và tỷ lệ cơ sở RHM/10.000 dân được ghi nhận. **Kết quả:** TP.HCM có tổng cộng 1.490 cơ sở RHM, sự phân bố hệ thống cơ sở RHM ở các khu vực địa lý của thành phố: trung tâm: 804 cơ sở (53,96%); cận trung tâm: 501 cơ sở (33,62%); ngoại thành: 185 cơ sở (12,42%). Trong đó, 135 cơ sở RHM nhà nước và 1.355 cơ sở RHM tư nhân, phân bố theo 3 khu vực thành phố lần lượt là 3,47 cơ sở/10.000 dân ở trung tâm, 1,50 cơ sở/10.000 dân ở cận trung tâm; 0,80 cơ sở/10.000 dân ở ngoại thành. **Kết luận:** Bản đồ mạng lưới chăm sóc sức khỏe răng miệng dày đặc ở khu vực trung tâm thành phố, cận trung tâm thưa thớt và ngoại thành gần như không có cơ sở chăm sóc sức khỏe răng miệng.

Từ khóa: Mạng lưới chăm sóc sức khỏe răng miệng, thành phố Hồ Chí Minh, nha khoa công cộng

SUMMARY

ORAL HEALTH CARE NETWORK IN HO CHI MINH CITY BEFORE COVID-19 PANDEMIC

Objective: To survey the oral health care network in Ho Chi Minh City (HCMC) prior to the COVID-19 pandemic. **Methods:** This cross-sectional study described the oral health care network in HCMC between 2016 and 2017. Data on oral or maxillofacial facilities, including 13 ministry hospitals, 15 city or

state hospitals, 24 district hospitals, 83 ward/commune medical stations, 20 private hospitals, 93 polyclinics specializing in dentistry, 1,242 dental clinics, and 147 school oral care settings were collected. The data were obtained including the real addresses of facilities and their exact location coordinates (longitude and latitude) on Google Maps. QGIS software was used to map the city's oral health care network and recorded the ratio of odontostomatological doctors per 10,000 population and dental facilities per 10,000 population. **Results:** A total of 1,490 oral or maxillofacial establishments in HCMC were identified. The distribution of these facilities was as follows: 804 (53.96%) in the city center, 501 (33.62%) in the subcenter, and 185 (12.42%) in suburban areas. This included 135 state oral or maxillofacial facilities and 1,355 private establishments, which were distributed across the three regions. The ratio of oral or maxillofacial establishments per 10,000 people was 3.47 in the center, 1.50 in the subcenter, and 0.80 in the suburbs. **Conclusion:** This mapping survey revealed a dense oral health care network in the downtown area but a sparse network in the subcenter, while there were almost no oral health care facilities in suburban areas.

Keywords: dental public health, Ho Chi Minh City, oral health care network, Ho Chi Minh City

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thành phố Hồ Chí Minh là một đô thị lớn, diện tích rộng, dân số đông và đặc biệt có mật độ dân số rất cao so với các địa phương khác trong cả nước. Những năm gần đây tình hình đô thị hóa và công nghiệp hóa tiếp tục vươn xa đến các huyện ngoại thành, mạng lưới cư dân ngày càng được mở rộng đến các vùng ven của các quận/huyện ngoại thành của thành phố. Song song với sự phát triển đô thị hoá này, các công trình giáo dục và y tế cũng như các tiện ích sống dành cho dân cư cũng được hình thành để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của nhân dân [1].

Hoạt động quản lý ngành Răng Hàm Mặt (về mặt chuyên môn) ở tuyến Trung ương do Cục Quản lý Khám chữa bệnh - Bộ Y tế phụ trách. Ở tuyến tỉnh thành có các Sở Y tế tỉnh thành quản lý, trong đó Phòng Nghiệp vụ Y tham mưu về

*Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh

Chịu trách nhiệm chính: Hoàng Trọng Hùng

Email: htrhung@ump.edu.vn

Ngày nhận bài: 20.3.2023

Ngày phản biện khoa học: 12.5.2023

Ngày duyệt bài: 26.5.2023

mặt chuyên môn và Phòng Quản lý hành nghề Y Dược tham mưu về hoạt động cấp phép đối với các cơ sở tư nhân (đối với các Sở Y tế đã thành lập Phòng Quản lý hành nghề). Ngoài ra, Thanh tra Sở Y tế là bộ phận quản lý, giám sát hoạt động chuyên môn theo quy định của Luật Thanh tra. Đối với cấp quận huyện, Phòng Y tế tham mưu cho Ủy ban nhân dân quận, huyện quản lý hoạt động y tế trên địa bàn bao gồm các cơ sở y tế hoạt động trong chuyên ngành Răng Hàm Mặt.

Bên cạnh đó, đặc thù của ngành y tế Việt Nam, các trạm y tế tại các phường xã cũng tham gia quản lý các cơ sở cá thể ở phạm vi phường xã bằng cách tổ chức hoạt động kiểm tra định kỳ theo yêu cầu của Sở Y tế hay Phòng Y tế quận, huyện [2].

Thực tế, các mạng lưới chăm sóc sức khỏe nói chung và mạng lưới chăm sóc răng miệng cho người dân nói riêng theo sau sự đô thị hóa của Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay vẫn chưa được cập nhật đầy đủ để giúp thành phố xây dựng các chính sách phân bổ nguồn lực và mạng lưới chăm sóc sức khỏe, ít nhất là sức khỏe ban đầu, phủ khắp thành phố và phù hợp với nhu cầu của người dân [3].

Mục tiêu của nghiên cứu này là khảo sát "Mạng lưới chăm sóc sức khỏe răng miệng tại Thành phố Hồ Chí Minh trước đại dịch COVID-19" thông qua các bản đồ phân bố các dịch vụ chăm sóc răng miệng công lập và tư nhân tại Tp Hồ Chí Minh trong các năm 2016 - 2017.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thiết kế nghiên cứu. Cắt ngang mô tả.

2.2. Đối tượng nghiên cứu. Hệ thống thông tin (số lượng, đặc điểm, vị trí tọa độ) của các cơ sở chăm sóc răng miệng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2.1. Dân số chọn mẫu. Các cơ sở y tế có chuyên khoa Răng Hàm mặt Nhà nước và tư nhân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2.2. Tiêu chí chọn mẫu

- Dữ liệu trong các báo cáo chính thức mới nhất cho đến năm 2016 của cơ quan chức năng (Chi cục Dân số TP.HCM, Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM, Sở Y tế TP.HCM, các đơn vị trực thuộc các Bộ ngành (Bộ Y tế, bộ Quốc phòng) và các đơn vị trực thuộc Sở Y tế TP.HCM).

- Đơn vị RHM đã được cơ quan chức năng ra quyết định thành lập hoặc đã được cấp Giấy phép hoạt động.

- Đối với dữ liệu vị trí tọa độ chỉ chọn lọc các mẫu có địa chỉ rõ ràng.

2.2.3. Tiêu chí loại trừ

- Các đơn vị RHM chưa được cấp phép hoặc không đủ điều kiện cấp Giấy phép hoạt động.

- Các cơ sở y tế không có chuyên khoa Răng Hàm Mặt.

2.3. Thời gian và địa điểm nghiên cứu.

Sử dụng dữ liệu khảo sát của năm 2016 - 2017 tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2.4. Mẫu và phương pháp chọn mẫu

2.4.1. Kỹ thuật chọn mẫu. Lấy mẫu toàn bộ.

2.4.2. Cỡ mẫu [4, 5]. Mẫu nghiên cứu được chọn tại các đơn vị chọn mẫu của TP.HCM.

- 13 đơn vị Răng Hàm Mặt trực thuộc Bộ ngành.

- 15 Bệnh viện trực thuộc Thành phố.

- 24 Bệnh viện quận/huyện.

- 83 Trạm y tế phường/xã.

- 20 Bệnh viện tư nhân.

- 93 Phòng khám đa khoa có chuyên khoa Răng Hàm Mặt.

- 1.242 Phòng khám chuyên khoa Răng Hàm Mặt.

- 147 Cơ sở Nha học đường.

2.5. Phương tiện nghiên cứu

- Giấy, viết, máy vi tính, máy tính cầm tay.

- Các văn bản gửi cơ sở báo cáo số liệu.

- Các biểu mẫu thu thập số liệu.

Biểu mẫu thu thập số liệu:

- Phiếu thống kê các cơ sở, nhân sự chuyên khoa Răng Hàm Mặt của công lập và tư nhân tại TP.HCM.

- Phiếu thống kê các Trường tiểu học, mầm non có Nha học đường.

- Các Báo cáo của các cơ sở y tế có chuyên khoa Răng Hàm Mặt trực thuộc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh.

- Báo cáo kiểm tra y tế học đường của các Quận/Huyện.

Phiếu thu thập dữ liệu cơ sở/nhân sự RHM tại TP.HCM

Loại hình của cơ sở: (*)

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Nhân sự				Số lượng ghế nha
			Bác sĩ RHM	Y sĩ RTE	KTV PHR	Điều dưỡng	
1							
2							
...							

(*): Loại hình của cơ sở: (Bệnh viện Bộ ngành, Bệnh viện Thành phố, Bệnh viện Quận huyện, Trạm y tế Phường xã, Bệnh viện tư nhân, Phòng khám đa khoa, Phòng khám chuyên khoa RHM, Nha công, Nha học đường).

(*): Địa chỉ: Ghi rõ số nhà, Đường, Tổ/Ấp, Phường/xã, Quận/huyện, TP.HCM.

2.6. Phương pháp thu thập số liệu

2.6.1. Các biến số cần thu thập

- Số cơ sở Răng Hàm Mặt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh: Bệnh viện, Trạm Y tế, Phòng khám đa khoa, Phòng khám chuyên khoa Răng Hàm Mặt, cơ sở dịch vụ làm răng giả (Nha công), cơ sở Nha học đường.

- Tỷ lệ nhân sự Bác sĩ Răng Hàm Mặt/10.000 dân.

- Tỷ lệ cơ sở Răng Hàm Mặt/10.000 dân

2.6.2. Phương pháp thu thập số liệu**Các bước cụ thể để thu thập dữ liệu:**

- Thu thập dữ liệu về dân cư trưởng thành và trẻ em tại Cục Thống kê dân số Thành phố Hồ Chí Minh.

- Khảo sát các đơn vị Răng Hàm Mặt trực thuộc Bộ ngành của Trung ương, các Bệnh viện trực thuộc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh, các Trạm y tế phường/xã, Bệnh viện tư nhân, Phòng khám đa khoa và Phòng khám chuyên khoa Răng Hàm Mặt tư nhân và cơ sở dịch vụ làm răng giả của đối tượng Nha công trực thuộc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh quản lý, các cơ sở Nha học đường Thành phố Hồ Chí Minh: liệt kê danh sách, xin công văn khảo sát, khảo sát trực tiếp theo mẫu thu thập dữ liệu về cơ sở/nhân sự, thu thập từ báo cáo hoạt động Răng Hàm Mặt định kỳ hằng năm,...

- Phương pháp thu thập dữ liệu tọa độ bản đồ trên Google Maps: Sử dụng địa chỉ cụ thể (số nhà, tên đường, tổ, khu vực/ấp, phường/xã/thị trấn, quận/huyện, TP.HCM) của cơ sở cần thu thập, định vị chính xác vị trí tọa độ (kinh tuyến và vĩ tuyến) trên Google Maps, sao chép vị trí tọa độ đầy đủ lưu lại theo đúng từng địa chỉ của cơ sở trong bảng dữ liệu đã thu thập và chuyển dữ liệu tọa độ đã thu thập được vào phần mềm QGIS để vẽ bản đồ [6].

2.7. Kiểm soát sai lệch thông tin

- Thu thập theo mẫu thống nhất.

- Các dữ liệu thu thập được chứng thực bởi đơn vị liên quan.

- Trực tiếp thu thập dữ liệu ở các cơ sở chưa có nguồn dữ liệu gốc.

2.8. Phương pháp xử lý - phân tích số liệu. Định vị các đơn vị nghiên cứu bằng Google Maps và vẽ bản đồ bằng phần mềm QGIS.

2.9. Vấn đề pháp lý và ý đức trong nghiên cứu. Nghiên cứu thuộc nhiệm vụ khoa học công nghệ "Tình hình sức khỏe răng miệng của cư dân thành phố Hồ Chí Minh và các yếu tố liên quan" do Sở Khoa học & Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh quản lý. Đề cương nghiên cứu đã được thông qua Hội đồng ý đức của Bệnh viện Răng Hàm Mặt Thành phố Hồ Chí Minh.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Tính đến năm 2017, Thành phố Hồ Chí Minh có tổng cộng 1.490 cơ sở Răng Hàm Mặt các loại, sự phân bố của hệ thống cơ sở Răng Hàm Mặt cho các khu vực địa lý của thành phố như sau: Trung tâm: có 804 cơ sở, chiếm tỉ lệ 53,96%; Cận trung tâm: có 501 cơ sở, chiếm tỉ lệ 33,62% và Vùng ngoại thành: có 185 cơ sở, chiếm tỉ lệ 12,42% (Bảng 1).

Trong 804 cơ sở ở vùng nội thành, số cơ sở công lập là 67 và số cơ sở tư nhân là 737. Kết quả này cho thấy số lượng cơ sở tư nhân nhiều hơn số cơ sở công lập gần 11 lần (Bảng 1).

Về hệ thống cơ sở Răng Hàm Mặt công lập (cơ sở công lập) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh gồm có: 13 Bệnh viện Bộ ngành (01 Bệnh viện chuyên khoa Răng Hàm Mặt, 11 Bệnh viện đa khoa có chuyên khoa Răng Hàm Mặt và 01 Trường Đại học Y Dược), 15 Bệnh viện trực thuộc Thành phố có khoa Răng hàm mặt (01 Bệnh viện chuyên khoa Răng Hàm Mặt, 03 Bệnh viện chuyên khoa khác và 11 Bệnh viện đa khoa có chuyên khoa Răng Hàm Mặt), 24 Bệnh viện tuyến quận huyện và 83 trạm y tế tuyến phường xã có hoạt động chuyên khoa Răng hàm mặt. Tất cả là 135 cơ sở Răng Hàm Mặt phân bố phần nhiều ở nội thành 49,63%, vùng ven 28,89% và ngoại thành chỉ có 21,48%.

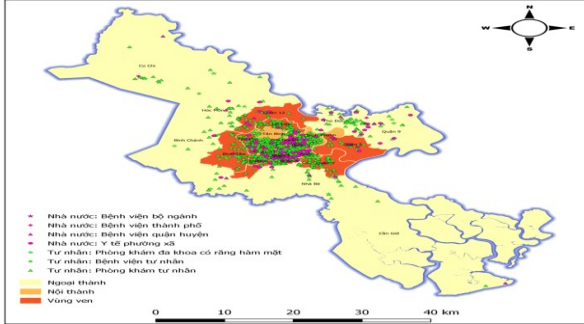
Bảng 1: Phân bố tỉ lệ các cơ sở Răng hàm mặt Nhà nước và tư nhân phân bố trên mỗi 10.000 dân số theo khu vực tại TP.HCM.

Loại hình cơ sở RHM	Số cơ sở	Dân số khu vực địa lý TP.HCM					
		Nội thành		Vùng ven		Ngoại thành	
		Số cơ sở RHM	Cơ sở RHM /10.000 dân	Số cơ sở RHM	Cơ sở RHM /10.000 dân	Số cơ sở RHM	Cơ sở RHM /10.000 dân
Nhà nước	135	67	0,29	39	0,12	29	0,13
Tư nhân	1.355	737	3,18	462	1,38	156	0,68
Tổng	1.490	804	3,47	501	1,50	185	0,80

Kết quả thống kê cho thấy sự phân bố các cơ sở RHM không đồng đều giữa công lập và tư

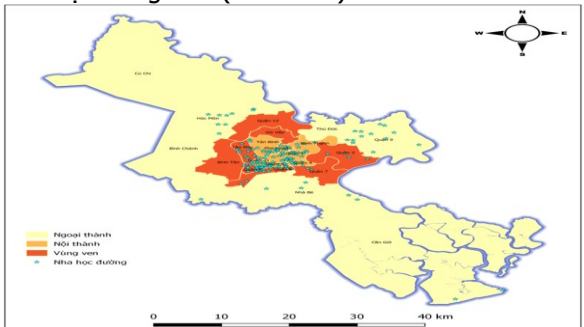
nhân, giữa các vùng phân bố tại các khu vực của TP.HCM.

Sự phân bố các cơ sở Răng Hàm Mặt Nhà nước và tư nhân trên toàn thành phố đặc biệt có sự co cụm ở khu vực nội thành, ở vùng ven và ngoại thành thì rất thưa thớt (Bản đồ 1).



Bản đồ 1: Bản đồ phân bố cơ sở Răng hàm mặt Nhà nước và tư nhân theo vùng địa lý của Thành phố Hồ Chí Minh

Sự phân bố cơ sở Nha học đường cũng tập trung ở vùng nội thành hơn vùng ngoại thành và khu vực vùng ven (Bản đồ 2).



Bản đồ 2: Bản đồ phân bố cơ sở Nha học đường theo vùng địa lý của Thành phố Hồ Chí Minh

IV. BÀN LUẬN

Mạng lưới chăm sóc sức khỏe răng miệng có 2 hệ thống y tế Nhà nước và tư nhân, nhưng hệ thống y tế tư nhân phát triển mạnh hơn hệ thống Nhà nước cả về số lượng cơ sở và nhân sự, cho thấy vai trò của hệ thống tư nhân trong mạng lưới chăm sóc sức khỏe răng miệng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh rất lớn.

Nhìn chung hệ thống cơ sở Răng hàm mặt công lập có khoảng một nửa số lượng đặt ở trung tâm của thành phố, nửa còn lại phân bố nhiều hơn cho vùng cận trung tâm và rất ít cho vùng ngoại thành. Sự khác biệt về số lượng cơ sở Răng Hàm Mặt công lập giữa các khu vực là khá rõ rệt, điển hình nhất là các Bệnh viện Bộ ngành và các Bệnh viện trực thuộc thành phố. Còn hệ thống Bệnh viện quận/huyện có chuyên khoa Răng Hàm Mặt là theo chỉ tiêu của ngân sách và ngành y tế nên không có sự chênh lệch về số lượng như các bệnh viện lớn.

Đối với loại hình Trạm Y tế phường xã, trong 24 quận huyện của Thành phố Hồ Chí Minh, gồm: 6 quận huyện không có chuyên khoa Răng Hàm Mặt và 18 quận huyện có chuyên khoa Răng Hàm Mặt hoạt động ở tuyến phường xã dưới dạng xã hội hóa về y tế, nhưng số Trạm Y tế có Răng Hàm Mặt phân bố không đầy đủ trên toàn quận/huyện. Toàn thành phố có 318 Trạm y tế, trong đó có 83 trạm y tế phường xã có hoạt động chuyên khoa Răng Hàm Mặt. Khuynh hướng tập trung phần lớn ở khu vực trung tâm (chiếm 43,37%) là tình trạng phổ biến của hầu hết các địa phương khác và trên thế giới.

Khu vực trung tâm của thành phố có tổng cộng 67 cơ sở Răng Hàm Mặt công lập đảm trách việc chăm sóc và chăm sóc sức khỏe răng miệng cho 2.316.015 người dân. Tính trung bình mỗi một cơ sở có nhiệm vụ quản lý và chăm sóc sức khỏe răng miệng cho 34.567 người dân. Số lượng của các cơ sở Răng Hàm Mặt công lập còn khiêm tốn: 31 cơ sở Răng Hàm Mặt hoạt động với hình thức là Bệnh viện thuộc Trung ương, thành phố và quận huyện. Số lượng lớn hơn của các loại cơ sở vừa kể là mạng lưới các Trạm y tế phường xã với 36 cơ sở.

Khu vực cận trung tâm của thành phố có 39 cơ sở Răng Hàm Mặt cho hơn 3 triệu dân, tính trung bình một cơ sở phụ trách chăm sóc sức khỏe răng miệng cho 85.585 người dân. Trong 39 cơ sở Răng Hàm Mặt của vùng ven chỉ có 11 cơ sở tuyến quận huyện trở lên là có trang thiết bị và Bác sĩ Răng Hàm Mặt làm việc, còn lại là 28 Trạm y tế phường xã là nhân viên nha khoa trung cấp làm việc.

Khu vực ngoại thành có 29 cơ sở Răng Hàm Mặt chăm sóc cho 2.300.509 dân. Trung bình mỗi một cơ sở lo cho 79.327 người dân. Ở đây số cơ sở Răng Hàm Mặt đúng nghĩa chỉ là 10, vì vậy mỗi một cơ sở chăm lo cho 230.000 dân, thấp hơn khả năng đáp ứng của khu vực nội thành khoảng 7 lần.

Hệ thống cơ sở Răng Hàm Mặt tư nhân hiện có 4 nhóm chính thức được cấp phép hoạt động là: Bệnh viện tư nhân, Phòng khám đa khoa (có chuyên khoa Răng Hàm Mặt), Phòng khám chuyên khoa Răng Hàm Mặt (các công ty Răng Hàm Mặt và hệ thống Phòng khám Răng Hàm Mặt cá thể) [7]. Đến thời điểm điều tra, toàn Thành phố có 20 Bệnh viện tư nhân có chuyên khoa Răng Hàm Mặt (06 Bệnh viện chuyên khoa và 14 Bệnh viện đa khoa), 93 Phòng khám đa khoa tư nhân có chuyên khoa Răng Hàm Mặt và 1.242 Phòng khám Răng Hàm Mặt (trong đó có 86 Công ty Răng Hàm Mặt).

Các loại hình cơ sở Răng Hàm Mặt tư nhân tập trung chủ yếu tại vùng trung tâm (> 50%), phần còn lại phân bố chủ yếu ở khu vực vùng cận trung tâm, khu vực ngoại thành rất ít. Sự chênh lệch về số lượng phân bố giữa các khu vực rất rõ rệt. Cụ thể, trong 20 Bệnh viện tư nhân thì 11 Bệnh viện ở trung tâm, 8 Bệnh viện ở vùng cận trung tâm và chỉ 1 bệnh viện ở ngoại thành. Hệ thống mạng lưới dày đặc nhất của cơ sở Răng Hàm Mặt tư nhân là phòng khám chuyên khoa Răng Hàm Mặt cá thể, 54,67% số lượng cơ sở cho khu vực trung tâm, 34,06 % cơ sở cho vùng cận trung tâm, chỉ có 11,27% ở vùng ngoại thành. Nhìn chung có 54,39% cơ sở tư nhân đặt ở trung tâm, 34,1% đặt ở vùng cận trung tâm, chỉ 11,51% đặt ở khu vực ngoại thành.

Thành phố Hồ Chí Minh có khoảng 8 triệu người dân sinh sống, tuy nhiên chỉ có 135 cơ sở Răng Hàm Mặt công lập. Tính ra mỗi một cơ sở Răng Hàm Mặt công phải đáp ứng cho trung bình 58.921 người. Nếu tính tỉ lệ cơ sở trên 10.000 dân thì khu vực nội thành chỉ có 0,29 cơ sở, vùng ven chỉ có 0,12 cơ sở và ngoại thành cũng tương tự 0,13 cơ sở.

Có tổng thể là 1.355 cơ sở tư nhân, phân bố cho theo 3 khu vực thành phố lần lượt là 3,18 cơ sở/10.000 dân ở trung tâm, 1,38 cơ sở/10.000 dân ở vùng cận trung tâm; 0,68 cơ sở/10.000 dân ở ngoại thành. Vì vậy so hệ thống cơ sở tư nhân với công lập thì khả năng đáp ứng của Răng Hàm Mặt tư nhân lớn hơn công lập gấp 10 lần.

Hệ thống cơ sở Răng Hàm Mặt công lập và tư nhân với tổng số 1.490 cơ sở chung được

phân bố ở vùng trung tâm 54,39%, vùng cận trung tâm là 34,1% và ngoại thành là 11,51%.

V. KẾT LUẬN

Phân bố cơ sở Răng Hàm Mặt Nhà nước và tư nhân chủ yếu tập trung ở khu vực nội thành (Nhà nước 49,6%; tư nhân 56,1%), còn vùng ven và ngoại thành tỉ lệ cơ sở Răng Hàm Mặt rất ít, nhất là ngoại thành, trong khi dân số ở hai khu vực này tương đương hoặc lớn hơn khu vực nội thành. Vì vậy ngành y tế và Nhà nước cần quan tâm phát triển cơ sở chăm sóc sức khỏe răng miệng cho ngoại thành và vùng ven nhiều hơn trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh (2011).** Báo cáo thống kê.
2. **Nguyễn Ngọc Duy (2012).** Chất lượng các cơ sở khám chữa bệnh Răng Hàm Mặt tại Thành phố Hồ Chí Minh năm 2012, Luận văn chuyên khoa cấp 2, Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.
3. **Bộ Y tế (2006).** Tổ chức, quản lý và chính sách y tế - Sách đào tạo cử nhân y tế Công cộng, Đại cương về hệ thống y tế và tổ chức mạng lưới y tế Việt Nam, Nhà xuất bản Y học, tr 9-18.
4. **Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh (2016).** Niên giám thống kê 2015. Nhà xuất bản Thống kê.
5. **Lê Hồng Hà (2015).** Điều tra hoạt động chương trình chăm sóc sức khỏe răng miệng cho học sinh tại các trường tiểu học Thành phố Hồ Chí Minh năm 2014-2015, Luận văn chuyên khoa cấp 2, Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.
6. **CDC (2000),** Oral Health Maps, CDC, America.
7. **Chính phủ (2016).** Nghị định 109/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 Quy định cấp Chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp Giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

KHẢO SÁT TÌNH HÌNH ĐIỀU TRỊ THUỐC KHÁNG ĐÔNG ĐƯỜNG UỐNG TẠI KHOA KHÁM BỆNH - BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Đinh Hiếu Nhân¹

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Điều trị chống đông là một trong những biện pháp điều trị quan trọng nhất của nhiều bệnh lý nội – ngoại khoa thuộc nhiều chuyên khoa khác nhau. Thuốc kháng đông đã được chứng minh hiệu quả trong điều trị dự phòng biến cố thuyên tắc huyết khối trong các trường hợp bệnh lý như rung nhĩ,

van tim cơ học, huyết khối tĩnh mạch chi dưới v.v... Kết quả nghiên cứu trong thực hành lâm sàng hàng ngày sẽ góp phần nhân đôi một cách chi tiết hơn, cụ thể hơn tình hình sử dụng thuốc kháng đông và kết quả đạt được khi so sánh với những khuyến cáo hiện hành. **Mục tiêu:** Khảo sát tình hình điều trị của thuốc kháng đông đường uống tại Khoa khám bệnh – Bệnh viện Đại học Y Dược TPHCM. **Phương pháp:** Nghiên cứu cắt ngang hồi cứu các trường hợp đang sử dụng thuốc kháng đông đường uống đến tái khám theo hẹn tại Khoa Khám bệnh – Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. **Kết quả:** 237 trường hợp được chỉ định sử dụng thuốc kháng đông đường uống đến tái khám theo hẹn từ 2/2023 – 5/2023 với đầy đủ dữ liệu được thu thập đã được đưa vào khảo sát. Tuổi

*Đại học Y Dược TpHCM

Chịu trách nhiệm chính: Đinh Hiếu Nhân

Email: dhnhan@ump.edu.vn

Ngày nhận bài: 23.3.2023

Ngày phản biện khoa học: 15.5.2023

Ngày duyệt bài: 29.5.2023